

Số: 1992/QĐ-ĐHHHVN-KHCN

Hải Phòng, ngày 11 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kinh phí hỗ trợ và giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường năm học 2019-2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 1333/QĐ-ĐHHHVN ngày 25/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy định “Hoạt động khoa học công nghệ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định 2133/QĐ-ĐHHHVN ngày 05/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy định “Quản lý đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam”;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động Khoa học Công nghệ năm học 2019-2020 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường Phòng Khoa học - Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường năm học 2019-2020 cho các Chủ nhiệm đề tài (*danh sách kèm theo*), với kinh phí 05 triệu đồng/đề tài được phê duyệt theo Quy chế Chi tiêu nội bộ hiện hành.

Điều 2. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm triển khai nghiên cứu, báo cáo kết quả, nghiệm đề tài NCKH trước ngày 30/6/2020, theo đúng quy trình và các quy định có liên quan của Nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các Phòng: TC-HC, KH-CN, KH-TC, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ nhiệm đề tài theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN.



PGS.TS. *Phạm Xuân Dương*

DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo Quyết định 1992 /QĐ-ĐHHVN-KHCN ngày 11 tháng 11 năm 2019)

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm	Thành viên tham gia	Mục tiêu nghiên cứu	Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
I.	KHOA HÀNG HẢI					
1.	Nghiên cứu hệ thống tự động cập cầu tàu đa nhiệm dựa trên bộ điều khiển nơ ron tích hợp	TS. Nguyễn Văn Sương	ThS. Phạm Tất Tiệp ThS. Nguyễn Thanh Diệu	Nghiên cứu đề xuất hệ thống bao gồm 1 bộ điều khiển nơ ron tích hợp thêm các cơ cấu thích nghi, ưu điểm của hệ thống là: có thể thực hiện được nhiều nhiệm vụ khác nhau thay vì phải huấn luyện lại mạng.	5	
2.	Nghiên cứu điều kiện áp dụng phép chiếu Gnomonic xây dựng hải đồ đi biển	TS. Nguyễn Thái Dương		Nghiên cứu yêu cầu cơ bản đối với hải đồ đi biển, nguyên lý phép chiếu Gnomonic. Xác định điều kiện áp dụng phép chiếu Gnomonic xây dựng hải đồ đi biển. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để sĩ quan hàng hải có thể dựng và sử dụng hải đồ Gnomonic dẫn tàu an toàn.	5	
3.	Nghiên cứu chế định quyền sở hữu trong pháp luật dân sự Việt Nam dưới góc độ luật so sánh	TS. Lương Thị Kim Dung	ThS. Bùi Hưng Nguyên CN. Nguyễn Viết Hà	Nghiên cứu về quyền sở hữu được quy định trong pháp luật dân sự Việt Nam, tập trung chủ yếu vào nội dung của quyền sở hữu, các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu, các hình thức sở hữu, chiếm hữu và bảo vệ quyền lợi của người chiếm hữu bất hợp pháp nhưng ngay tình... đặt trong bối cảnh so sánh mang tính kế thừa của quyền sở hữu được quy định trong các Bộ luật dân sự Việt Nam, từ đó chỉ ra những bất cập còn tồn tại trên thực tiễn thi hành để đề xuất các giải pháp hoàn thiện.	5	

4.	Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý an ninh mạng thông tin trên tàu biển Việt Nam	ThS. Phạm Văn Luân	ThS. Nguyễn Thành Trung ThS. Quách Thanh Chung	Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở về tính pháp lý an ninh mạng và quản lý an ninh mạng Hàng hải trên tàu hiện nay. Từ đó đánh giá đúng thực trạng của quản lý an ninh mạng Hàng hải trên tàu biển Việt Nam hiện nay. Xây dựng mô hình quản lý an ninh mạng thông tin trên tàu biển với những tiêu chí phù hợp cho yêu cầu thực tế trên tàu biển Việt Nam trong tình hình mới.	5	
5.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện và đảm bảo hiệu quả Chương trình Hợp tác về học bổng, thực tập sinh cho sinh viên Ngành đi biển của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam do Khoa chuyên môn trực tiếp quản lý	TS. Nguyễn Mạnh Cường		Nghiên cứu thực trạng công tác hỗ trợ đào tạo, huấn luyện, cơ hội việc làm cho sinh viên ngành đi biển của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, những khó khăn cần giải quyết một cách hiệu quả để đảm bảo có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo sau tốt nghiệp cho sinh viên Ngành đi biển, đề xuất các giải pháp để hoàn thiện và đảm bảo hiệu quả Chương trình hợp tác về học bổng, thực tập sinh với các Chủ tàu quốc tế do Khoa chuyên môn trực tiếp quản lý gắn với chương trình Kết nối Doanh nghiệp - Nhà Quản lý - Đơn vị đào tạo và đổi mới dịch vụ đào tạo.	5	

6.	Nghiên cứu đề xuất một số tiêu chí trong hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên biển Việt Nam	TS. Phan Văn Hưng		Nghiên cứu các tiêu chuẩn về kiểm soát ô nhiễm dầu do tàu biển ở các quốc gia phát triển như Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc. Từ đó đề xuất một số tiêu chuẩn để tính toán, xây dựng năng lực ứng phó tràn dầu như tàu mục tiêu, lượng dầu lớn nhất tràn từ tàu, lượng dầu ứng phó trên biển, thời gian để thực hiện quá trình ứng phó, cũng như mô hình tính toán khả năng ứng phó hàng ngày đối với các trang thiết bị như phao quây dầu, máy thu hồi dầu.	5	
7.	Nghiên cứu an ninh Hàng hải trong không gian mạng	ThS. Đào Quang Dân	ThS. Nguyễn Văn Thịnh LS. Phạm Thanh Tân	An ninh mạng đã trở thành mối quan tâm sâu sắc trong mọi lĩnh vực và nó đã trở thành một phần không thể thiếu trong toàn bộ tổng thể công tác quản lý các hoạt động hàng hải cũng như vận tải biển.	5	
8.	Một số vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến khả năng đi biển của tàu biển	TS. Nguyễn Thành Lê	ThS. Nguyễn Đình Thúy Hường ThS. Đỗ Công Hoan	Đề tài nghiên cứu nguồn gốc, sự phát triển từ cổ điển đến hiện đại của nghĩa vụ đảm bảo khả năng đi biển của tàu biển cùng với các khía cạnh hàng hải đảm bảo cho khả năng đi biển của tàu biển. Và cuối cùng, đề tài đi sâu phân tích trách nhiệm bồi thường thiệt hại vì vi phạm nghĩa vụ đảm bảo khả năng đi biển của tàu biển.	5	

9.	Nghiên cứu quy định về xuất xứ hàng hóa theo hiệp định CPTPP	ThS. Hoàng Thị Ngọc Quỳnh	ThS. Trịnh Thị Thu Thảo CN.LS. Phạm Thanh Tân	Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý để xác định xuất xứ hàng hóa theo pháp luật Việt Nam nói chung và Hiệp định CPTPP nói riêng. Thông qua các vụ án nổi bật về hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam, làm rõ hậu quả và tìm ra các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng này, từ đó đưa ra khuyến nghị phù hợp.	5	
II.	KHOA MÁY TÀU BIỂN					
10.	Nghiên cứu, tính toán định mức tiêu hao nhiên liệu trên đội tàu biển Việt Nam khi xét đến ảnh hưởng của tình trạng kỹ thuật hệ động lực	TS. Nguyễn Trí Minh	TS. Lưu Quang Hiệu ThS. Mai Thế Trọng	Khảo sát, phân tích và xây dựng bài toán tính định mức sử dụng nhiên liệu cho tàu biển Việt Nam nhằm tiết kiệm nhiên liệu trong quá trình khai thác, đáp ứng sử dụng hiệu quả năng lượng và nâng cao hiệu quả kinh tế cho đội tàu biển Việt Nam. Qua đó, giúp các chủ tàu chủ động trong quản lý kỹ thuật và hạch toán kinh tế.	5	
11.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tình trạng vỏ tàu, chân vịt và điều kiện hành hải tới mức tiêu thụ nhiên liệu động cơ diesel tàu thủy	PGS.TS. Nguyễn Huy Hào	ThS. Vũ Đức Năng ThS. Cao Văn Bình	Đánh giá được một cách định lượng ảnh hưởng tổng hợp của tình trạng vỏ tàu, chân vịt và điều kiện hành hải tới mức tiêu thụ nhiên liệu động cơ diesel tàu thủy. Xây dựng được bài toán xác định mức tiêu thụ nhiên liệu động cơ diesel tàu thủy khi xét đến ảnh hưởng tổng hợp của các yếu tố, phù hợp với yêu cầu khai thác và thuận tiện cho chủ tàu cũng như cho thuyền viên.	5	
12.	Nghiên cứu thiết kế hệ thống điều khiển từ xa bước chân vịt bằng tàu thủy bằng khí nén	PGS.TS. Phạm Hữu Tân	ThS. Vũ Anh Tuấn	Nghiên cứu thiết kế được một hệ thống hoàn chỉnh điều khiển từ xa bước chân vịt bằng khí nén để áp dụng cho các tàu biển của Việt Nam.	5	

13.	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của điều kiện khí hậu vùng biển hoạt động đến tính toán định mức tiêu hao nhiên liệu cho đội tàu biển Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Đại An	ThS. Hoàng Văn Mười ThS. Trần Thị Lan	Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực giao thông vận tải thủy. Khảo sát, phân tích và xây dựng bài toán tính định mức sử dụng nhiên liệu cho tàu biển Việt Nam nhằm tiết kiệm nhiên liệu trong quá trình khai thác, đáp ứng sử dụng hiệu quả năng lượng và nâng cao hiệu quả kinh tế cho đội tàu biển Việt Nam.	5	
14.	Nghiên cứu thiết lập chu kỳ bảo trì phù hợp trong điều kiện khai thác ở Việt Nam cho động cơ diesel máy xuồng tàu Hải Quân HQ888	PGS.TS. Trương Văn Đạo	ThS, Mtr. Bùi Quốc Tú Ks, Mtr. Nguyễn Đức Quỳnh	Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý thuyết bảo trì. Nghiên cứu, xây dựng chu kỳ bảo trì phù hợp cho động cơ trong điều kiện khai thác ở Việt Nam.	5	
15.	Nghiên cứu tính chọn bầu làm mát hệ thống nhiên liệu của các tàu biển đang khai thác	ThS. Bùi Quốc Tú	KS. Nguyễn Đức Quỳnh	Tính toán lựa chọn kiểu loại sinh hàn, sản lượng, cách bố trí lắp đặt bầu sinh hàn cho các tàu đang khai thác để tránh các sự cố xảy ra đối với hệ thống tàu biển khi sử dụng loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp.	5	
16.	Nghiên cứu giảm phát thải khí độc hại động cơ trung tốc bằng cách cấp khí nén vào buồng đốt ở thời điểm phun nhiên liệu	TS. Lưu Quang Hiệu	ThS. Đỗ Minh Phong ThS. Phạm Văn Linh	Quá trình nạp, lượng không khí cấp và trong buồng đốt động cơ có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình công tác và lượng phát thải khí độc hại. Đề tài tập trung nghiên cứu tác động của việc cấp thêm không khí cùng thời điểm phun nhiên liệu đến mức phát thải của động cơ và giải pháp công nghệ nhằm hiện thực hóa mục tiêu trên.	5	

17.	Ứng dụng phần mềm fluent-ansys mô phỏng động lực học dòng chảy qua lỗ phun của vòi phun động cơ diesel thủy khí sử dụng nhiên liệu hỗn hợp (dầu do - dầu cọ) làm nhiên liệu thay thế	ThS. Nguyễn Đức Hạnh	ThS. Dương Phan Anh	Ứng dụng phần mềm Fluent-Ansys tính toán mô phỏng động lực học dòng chảy qua lỗ phun của vòi phun trong động cơ diesel thủy Hanshin 6LU32 sử dụng nhiên liệu hỗn hợp dầu cọ thô - dầu diesel.	5	
18.	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng để tham chiếu cho các thiết kế tàu kéo, xử lý neo và cung ứng dịch vụ - AHTS	ThS. Nguyễn Anh Việt	ThS. Phạm Quốc Việt ThS. Phạm Ngọc Tuyên	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu bằng quy hoạch thống kê dựa trên dữ liệu các tàu AHTS đang hoạt động, đang đóng mới hoặc trong giai đoạn thiết kế. Kết hợp phân tích xu hướng thiết kế và đóng mới nhằm tạo ra bộ công cụ dùng để tham chiếu thiết kế thân tàu kéo, xử lý neo và cung ứng dịch vụ AHTS.	5	
19.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống báo cháy trên tàu sử dụng bộ điều khiển khả lập trình PLC	PGS. TS. Trần Hồng Hà	ThS. Đỗ Thị Hiền	Nghiên cứu thiết kế và xây dựng mô hình hệ thống giám sát và báo cháy trên tàu sử dụng bộ điều khiển tự động khả lập trình PLC.	5	
20.	Xây dựng chương trình tính toán thủy lực cho hệ thống chữa cháy bằng bọt trên tàu biển theo yêu cầu của Quy phạm Đăng kiểm Việt Nam	TS. Quán Trọng Hùng	ThS. Bùi Thị Hằng ThS. Đỗ Thị Hiền	Tìm hiểu cơ sở lý thuyết để tính toán thủy lực cho hệ thống chữa cháy bằng bọt. Xây dựng chương trình xác định các thông số thủy lực tại các họng van cấp bọt chữa cháy trên tàu biển của Quy phạm Đăng kiểm Việt Nam.	5	

III. KHOA ĐÓNG TÀU					
21.	Phân tích cải tiến phương pháp để đánh giá ảnh hưởng của ăn mòn và biến dạng ban đầu tới mô men chống uốn dọc chung tới hạn của tàu	TS. Vũ Văn Tuyên	TS. Lê Văn Hạnh	<p>Tìm hiểu lý thuyết các phương pháp xác định mô men uốn tới hạn dọc chung thân tàu và các đặc tính của ăn mòn và biến dạng ban đầu trên kết cấu tàu; Qua đó, đề xuất phương pháp đánh giá ảnh hưởng của ăn mòn và biến dạng ban đầu đến mô men uốn dọc chung tới hạn kết cấu thân tàu.</p>	5
22.	Đánh giá sự ăn mòn của lớp phủ Niken-Đồng thông qua khảo sát đặc tính màng thụ động	TS. Đỗ Quang Quận	ThS. Cù Huy Chính	<p>Đề tài sử dụng phương pháp mạ điện xung tạo ra lớp phủ nano hợp kim Ni-Cu. Thông qua các khảo sát về vi cấu trúc của lớp phủ, kết hợp với các thí nghiệm khảo sát hành vi điện hóa của các lớp phủ, xác định sự ăn mòn của các lớp phủ nano hợp kim Ni-Cu. Dựa trên mô hình khuyết điểm, khảo sát đặc tính film thụ động hình thành từ lớp phủ nano hợp kim Ni-Cu bằng phép đo Mott-Schottky (M-S) và phân tích thành phần film thụ động bằng phép đo quang phổ tia điện tử giải thích sự cải thiện khả năng chống ăn mòn của lớp phủ thông qua hợp kim hóa.</p>	5
23.	Sử dụng phương pháp LCA để đánh giá tác động tới môi trường của tàu thủy	TS. Đồng Đức Tuấn	ThS. Phạm Thị Thanh Hải	<p>Tìm hiểu lý thuyết đánh giá vòng đời sản phẩm (Life cycle assessment - LCA), nghiên cứu tình hình nghiên cứu áp dụng lý thuyết LCA trong lĩnh vực thiết kế và khai thác tàu; Trên cơ sở đó, phân chia vòng đời của tàu chở hàng thành các giai đoạn và áp dụng lý thuyết LCA cho đối tượng là tàu chở hàng, sử dụng phần mềm GaBi để tính toán, phân tích kết quả.</p>	5

24.	Nghiên cứu sự thay đổi thông số hình dáng đến sức cản của tàu	ThS. Nguyễn Thị Thu Quỳnh	ThS. Nguyễn Mạnh Chiến	Nghiên cứu sự thay đổi thông số hình dáng đến sức cản của tàu với một vỏ bao tàu có sẵn. Hình dáng vỏ bao tàu có sẵn được mô hình hóa và thay đổi, nhưng vẫn đảm bảo các ràng buộc như lượng chiếm nước, chiều dài, chiều rộng và chiều chìm. Lực cản của tàu được tính toán bằng phương pháp phần tử tấm (panel method). Tuyến hình tàu được thay đổi một cách có hệ thống để tìm ra được vỏ bao tàu có lực cản nhỏ nhất tại một vận tốc xác định. Tiến hành tính toán lực cản của vỏ bao tàu có lực cản nhỏ nhất thông qua phương pháp phần tử tấm và vỏ bao tàu ban đầu bằng phương pháp tính toán thủy động lực học bằng phương pháp số (CFD) để kiểm nghiệm lại kết quả của quá trình tính toán.	5	
IV. VIỆN CƠ KHÍ						
25.	Nghiên cứu tính toán hệ thống điều hòa không khí sử dụng kết hợp nguồn năng lượng có chất lượng thấp	PGS. TS. Lê Văn Đỉnh	ThS. Nguyễn Mạnh Chiêu	Nghiên cứu hoán cải chu trình máy lạnh của điều hòa không khí. Theo đó, quá trình nén môi chất lạnh của điều hòa không khí sẽ được hoán cải thành 2 quá trình nén liên tiếp: Quá trình nén đoạn nhiệt trên máy nén truyền thống sử dụng điện năng; Quá trình nén đẳng nhiệt nhờ năng lượng từ nguồn chất lượng thấp như mặt trời, khí thải.	5	
26.	Ứng dụng mô hình nhiều pha phân tích ảnh hưởng của gió và dòng chảy đến lực căng dây neo tàu thủy	TS. Vũ Văn Duy	ThS. Nguyễn Chí Công ThS. Phạm Nguyên Đăng Khoa	Tìm hiểu tổng quan về mô hình nhiều pha; Xây dựng mô hình nghiên cứu bằng phương pháp số và mô hình nghiên cứu thực nghiệm. Qua đó, phân tích và đánh giá kết quả nghiên cứu.		

27.	Nghiên cứu tự động hóa tính toán dung sai kích thước và dung sai lắp ghép	PGS. TS. Đào Ngọc Biên	ThS. Vũ Văn Tập	Xây dựng phần mềm cho phép tự động xác định các thông số dung sai kích thước và hiển thị sơ đồ phân bố miền dung sai kích thước của lỗ, của trục và của lắp ghép. Sử dụng phần mềm trên vào thực tiễn sản xuất cũng như trong công tác giảng dạy và học tập.	5	
28.	Ứng dụng phần mềm NX gia công chi tiết có biên dạng phức tạp trên máy phay CNC	ThS. Phạm Ngọc Ánh	TS. Hoàng Văn Nam	Đề tài tập trung mô phỏng chương trình gia công chi tiết, từ đó tìm cách khắc phục các lỗi có thể xảy ra trong quá trình gia công. Cuối cùng gia công chi tiết hoàn chỉnh.	5	
29.	Nghiên cứu giải pháp gia công chân vịt hai bước trên máy phay CNC 3 trục CH - VMC50	ThS. Nguyễn Chí Công	TS. Vũ Văn Duy ThS. Phạm Văn Duyên	Nghiên cứu tổng quan về gia công chân vịt trên máy CNC; Thiết lập quy trình gia công chân vịt hai bước trên máy phay CNC 3 trục CH-VMC50; Gia công chân vịt hai bước lắp trên tàu cá 155 CV bằng máy phay CNC 3 trục CH - VMC50.	5	
30.	Nghiên cứu giải pháp giảm lực cản trên ngư lôi tốc độ cao Set-53M bằng mũi lõi tạo siêu xâm thực	ThS. Phạm Văn Duyên		Nghiên cứu ảnh hưởng của mũi dạng côn cong lõi trong việc hình thành siêu xâm thực trên thân ngư lôi tốc độ cao Set-53M, từ đó giúp giảm lực cản ma sát khi ngư lôi di chuyển dưới nước.	5	
31.	Nghiên cứu xác định tải trọng tác dụng và tính bền bulông (vít) ghép cánh của chân vịt cánh rời	TS. Hoàng Văn Nam	ThS. Nguyễn Mạnh Nền ThS. Phạm Ngọc Ánh	Đề tài tập trung xác các tải trọng tác dụng nên các bulông (vít) ghép cánh của chân vịt cánh rời để từ đó đưa ra phương pháp tính bền cho nhóm bulông (vít) này.	5	

32.	Tính toán và mô phỏng động học máy bào xọc trong công nghiệp	ThS. Vũ Thị Thu Trang		Đưa ra phương pháp tính toán và mô phỏng động học máy bào xọc.	5	
33.	Nghiên cứu ứng dụng chương trình tham số trong lập trình gia công trên máy CNC	ThS. Nguyễn Thị Thu Lê		Nghiên cứu phương pháp lập trình theo tham số trong gia công trên máy CNC; Qua đó, phân tích ứng dụng của phương pháp lập trình theo tham số trong lập trình gia công các sản phẩm cơ khí.	5	
34.	Nghiên cứu các dạng chuyển biến Mactenxit khi tôi thép hợp kim và lập công thức kinh nghiệm tính nhiệt độ MS cho thép theo thành phần hóa học	ThS. Lê Văn Cường		Tôi thép là dạng nhiệt luyện hóa bền quan trọng nhất. Chất lượng quá trình tôi quyết định bởi tổ chức Mactenxit hình thành khi làm nguội. Khi tôi thép hợp kim không chỉ có α - Mactenxit mà còn có thể xuất hiện các dạng khác như ϵ - Mactenxit, χ - Mactenxit, χ' - Mactenxit với các cơ chế hình thành khác nhau. Đề tài sẽ đi vào nghiên cứu các chuyển biến đó để ứng dụng khi tôi thép hợp kim.	5	
35.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số chế độ cắt đến quá trình gia công bằng phương pháp điện hóa siêu âm	TS. Nguyễn Tiến Dũng	ThS. Vũ Văn Tập	Trong đề tài này, tác giả tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến quá trình gia công bằng phương pháp điện hóa siêu âm, từ đó đưa ra được mối quan hệ của các thông số công nghệ với tốc độ gia công, độ chính xác.	5	
36.	Nghiên cứu quá trình chuyển biến pha trong thép Mn thấp khi được xử lý cơ nhiệt	TS. Nguyễn Dương Nam	ThS. Nguyễn Văn Bách	Nghiên cứu đặc điểm quá trình chuyển biến pha của thép ở giai đoạn sau đúc; sau xử lý cơ nhiệt. Từ đó xác định mối quan hệ giữa thành phần pha đến cơ tính của hợp kim nghiên cứu.	5	

37.	Nghiên cứu khả năng chống mài mòn của thép không gỉ austenite 304 bằng phương pháp thấm nito	ThS. Lê Thị Nhung		Nghiên cứu giải pháp công nghệ thấm nito cho thép không gỉ và sự thay đổi tổ chức và khả năng chống mài mòn của chi tiết sau thấm.	5	
38.	Nghiên cứu hiện tượng ăn mòn thép trong môi trường H ₂ S ở nhà máy sản xuất axit H ₂ SO ₄	ThS. Nguyễn Anh Xuân		Nội dung nghiên cứu nhằm làm rõ cơ chế ăn mòn do khí H ₂ S với thép; Nghiên cứu động học quá trình ăn mòn, các yếu tố tác động đến động học ăn mòn, sự tạo thành lớp điện tích kép và ảnh hưởng; Qua đó đề xuất các phương án giảm thiểu sự ăn mòn.	5	
39.	Nghiên cứu tính toán kết cấu bình chịu áp bằng vật liệu composit cho thiết bị thoát hiểm trên tàu	ThS. Trần Thị Thanh Vân		Nghiên cứu phân tích và lựa chọn được vật liệu composit với cốt và nền hợp lý để chế tạo bình dưỡng khí; Phân tích các công nghệ chế tạo bình chịu áp từ đó đưa ra giải pháp công nghệ quân phẳng là công nghệ phù hợp cho chế tạo bình dưỡng khí cỡ nhỏ làm bằng vật liệu composit; Qua đó, đưa ra mô hình tính toán kết cấu áp tính toán cho bình dưỡng khí và tiến hành thí nghiệm để kiểm tra độ bền của bình.	5	
40.	Tối ưu hóa thiết kế hệ thống đường ống trên cơ sở phân tích khả năng bù trừ sai số trong quá trình lắp ráp	TS. Ngô Gia Việt	TS. Thẩm Bội Châu	Xây dựng cơ sở lý thuyết nhằm tối ưu hóa thiết kế hệ thống đường ống theo tiêu chí tăng cường khả năng bù trừ sai số trong quá trình lắp ráp.	5	
41.	Nghiên cứu sử dụng bộ điều khiển PID để kiểm soát nhiệt độ phòng và giảm năng lượng tiêu thụ của điều hòa không khí	ThS. Nguyễn Đức Bình		Nghiên cứu sử dụng bộ điều khiển PID điều khiển tích hợp hai nhân tố đó là điều hòa không khí và cửa sổ thông minh để duy trì nhiệt độ căn phòng ở nhiệt độ tiện nghi mong muốn của người dùng.	5	

42.	Tính toán và mô phỏng quá trình cháy rôi của hỗn hợp đã hòa trộn bằng mô hình RANS	ThS. Đặng Văn Trường	ThS. Nguyễn Mạnh Chiều	Nghiên cứu mô hình của quá trình cháy rôi của hỗn hợp đã hòa trộn bằng mô hình RANS; Sử dụng các phần mềm CFD chuyên dụng như Ansys để mô phỏng và tính toán các thông số của quá trình cháy rôi.	5	
43.	Tính toán dao động uốn của dầm cầu trục dưới tác dụng của tải trọng di động bằng phương pháp Ritz	TS. Hoàng Mạnh Cường	ThS. Nguyễn Đình Khiêm	Tính toán dao động của dầm cầu trục trong quá trình nâng - hạ - di chuyển tải trọng, từ đó phân tích sự ảnh hưởng của tính đàn hồi của dầm đến việc điều khiển cầu trục.	5	
44.	Thiết kế, chế tạo Robot song song hai bậc tự do	ThS. Nguyễn Đức Sang	ThS. Nguyễn Đình Khiêm	Nghiên cứu cách giải quyết bài toán động học, tìm ra vùng làm việc và tìm ra các điểm kỳ dị động học; Qua đó, thiết kế, chế tạo và điều khiển cho rô bốt theo 1 vài quỹ đạo để kiểm chứng bài toán động học.	5	
45.	Nghiên cứu ảnh hưởng áp lực cục bộ của bánh xe di chuyển đến độ bền của dầm tổ hợp	ThS. Lê Thị Minh Phương	ThS Phạm Đức ThS. Phạm Thị Yên	Đề tài tập trung vào xác định ảnh hưởng áp lực cục bộ của bánh xe di chuyển đến độ bền của dầm thép tổ hợp, phù hợp với đặc điểm kết cấu của dầm và vị trí đặt ray di chuyển xe con, giúp cho việc tính toán hợp lý và chính xác hơn.	5	
46.	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của kết cấu bộ đàn hồi hệ thống treo đến chất lượng công tác của các phương tiện vận chuyển	ThS. Bùi Thị Diệu Thúy	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương	Nghiên cứu các dạng kết cấu của bộ phận đàn hồi hệ thống treo trên các phương tiện vận chuyển và các dạng chịu tải của bộ phận đàn hồi và ảnh hưởng của chúng đến chất lượng công tác của phương tiện vận chuyển. Qua đó, đề xuất các giải pháp cải tiến, xu hướng phát triển, lắp đặt trên các loại phương tiện vận chuyển.	5	

47.	Nghiên cứu sự dao động vận tốc góc của trục khuỷu động cơ đốt trong bằng phương pháp thực nghiệm trên động cơ 1417,5/24	ThS. Vũ Văn Tập	ThS. Phạm Thị Yến ThS. Nguyễn Đức Bình	Đưa ra các nhân tố ảnh hưởng đến dao động vận tốc góc của trục khuỷu động cơ đốt trong, các phương án đề xuất làm giảm hệ số dao động vận tốc góc của trục khuỷu cũng như tiến hành thực nghiệm trên động cơ 1417,5/24.	5	
48.	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của chất hoàn nguyên và nhiệt độ trong quá trình hoàn nguyên magie bằng quy trình Pidgeon	ThS. Vũ Việt Quyền	ThS. Vũ Thị Thu Trang	Phân tích, xác định phương pháp phù hợp chế tạo magie từ quặng Dolomit Việt Nam. Qua đó, Xác định ảnh hưởng của thông số công nghệ: nhiệt độ và tỷ lệ chất hoàn nguyên ferrosilic tới hiệu suất của magie thành phẩm.	5	
49.	Nghiên cứu mô hình điều khiển chiến lược chuyển số cho hệ thống động lực trên xe chạy điện nhằm tối ưu năng lượng	KS. Lê Đình Nghiêm	PGS.TS. Lê Anh Tuấn ThS. Nguyễn Văn Hoàn	Xây dựng chiến lược điều khiển chuyển số của hệ thống động lực trên ô tô điện nhằm tăng hiệu suất động cơ điện, nâng cao hiệu năng sử dụng năng lượng của ô tô điện theo một chu trình chạy xe tiêu chuẩn và chu trình chạy xe thực tế.	5	
50.	Xây dựng mô hình nhận dạng và phân loại rác thải nhựa trên mặt nước	ThS. Bùi Hồng Vũ	ThS. Trần Xuân Thế KS. Lê Đình Nghiêm	Mục đích của đề tài nhằm nghiên cứu và đưa ra phương pháp nhận diện và phân loại rác thải nhựa bao gồm (túi nilon, vỏ chai, hộp nhựa,...). Thuật toán có thể làm cơ sở để phục vụ cho thị giác Robot trong quá trình phát triển Robot thu thập rác thải trên mặt nước. Giai đoạn tiếp theo, đề tài sẽ phát triển để nhận diện và phân loại rác thải trong nước biển.		

V.	KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ					
51.	Nghiên cứu ứng dụng các sóng con trực giao (Orthogonal Wavelets) trong truyền dẫn tín hiệu số băng gốc	PGS.TS. Lê Quốc Vượng	ThS. Ngô Xuân Hương	Đưa ra cơ sở lý thuyết về khả năng ứng dụng các sóng con trực giao trong kỹ thuật truyền dẫn tín hiệu số băng gốc.	5	
52.	Nghiên cứu giải pháp định vị thông qua tín hiệu AIS sử dụng kỹ thuật TOA và TDOA	TS. Phạm Việt Hưng	ThS. Nguyễn Phương Lâm	Nghiên cứu, mô phỏng đánh giá giải pháp định vị cho tàu biển có trang bị hệ thống AIS thông qua tín hiệu AIS sử dụng các kỹ thuật TOA và TDOA.	5	
53.	Nghiên cứu phương pháp đánh giá và mô phỏng xác suất va chạm tàu thuyền trên biển dựa trên AIS	TS. Nguyễn Mạnh Cường	ThS. Trương Thanh Bình	Xây dựng mô hình toán học đánh giá rủi ro va chạm và mô phỏng xác suất xảy ra va chạm trên biển. Mô hình này dùng để giám sát, quản lý và đưa ra cảnh báo nguy hiểm cho tàu thuyền.	5	
54.	Nghiên cứu phương pháp phân tập dữ liệu AIS phục vụ công tác quản lý tàu thuyền tại các trung tâm VTS	ThS. Nguyễn Thanh Vân	PGS. TS. Trần Xuân Việt	Phân tập thành công dữ liệu AIS lớn (dạng Bigdata) nhằm phát triển các ứng dụng của hệ thống AIS, phục vụ công tác quản lý tàu thuyền tại các VTS.	5	
55.	Nghiên cứu xây dựng mô hình kiểm tra, đánh giá thông số động cơ điện xoay chiều ba pha ứng dụng máy tính	PGS.TS. Trần Sinh Biên	TS. Nguyễn Văn Tiến	Xây dựng mô hình kiểm tra thông số động cơ điện xoay chiều ba pha ứng dụng máy tính.	5	

56.	Nghiên cứu thiết kế điều khiển cho hệ thống vận chuyển dùng nhiều cầu trục trong nhà máy lắp ráp ô tô	TS. Nguyễn Văn Tiến	PGS. TS. Hoàng Xuân Bình	Thiết kế phần cứng và phần mềm cho hệ thống điều khiển nhiều cầu trục.	5	
57.	Nghiên cứu ứng dụng nghịch lưu đa mức cho hệ biến tần - truyền động nhiều động cơ	TS. Đặng Hồng Hải		Nghiên cứu cấu trúc, nguyên lý hoạt động hệ biến tần truyền động nhiều động cơ. Nghiên cứu các cấu trúc nghịch lưu đa mức có thể ứng dụng trong hệ biến tần, nguyên lý điều chế đa mức cho nghịch lưu đa mức. Thực hiện mô phỏng nghịch lưu ba mức, mô phỏng hệ biến tần truyền động nhiều động cơ ứng dụng nghịch lưu đa mức trên máy tính.	5	
58.	Nghiên cứu xây dựng thiết bị đo và cảnh báo rò rỉ khí gas ứng dụng trong cơ sở sản xuất, sang chiết gas	ThS. Trần Thị Phương Thảo	ThS. Vũ Thị Thu	Nghiên cứu và chế tạo thiết bị đo nồng độ khí gas sử dụng cảm biến khí (dạng oxit kim loại hoặc điện hóa) và các công nghệ tiên tiến về mạch điện tử cũng như các phương pháp xử lý tín hiệu mới trong xây dựng mạch thu thập và chuẩn hóa tín hiệu.	5	
59.	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống mạng ghép nối các biến tần công nghiệp phục vụ đào tạo	ThS. Vũ Ngọc Minh	ThS. Phạm Thị Hồng Anh	Nghiên cứu, thiết kế thiết bị ghép nối mạng biến tần công nghiệp, lập trình phần mềm giám sát và điều khiển tự động quá trình công nghệ.	5	
60.	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống điều khiển vị trí động cơ bằng hình ảnh sử dụng Matlab	ThS. Trần Tiến Lương	PGS. TS. Hoàng Xuân Bình	Nghiên cứu chế tạo thiết bị điều khiển vị trí bằng phương pháp xử lý ảnh với phần mềm Matlab.	5	

61.	Nghiên cứu ứng dụng PLC - Servo Motor trong mô phỏng chuyển động 4 bậc tự do của phương tiện giao thông vận tải	PGS. TS. Đinh Anh Tuấn	ThS. Đoàn Hữu Khánh ThS. Lê Văn Tâm	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống mô phỏng chuyển động 4 trục trên cơ sở ứng dụng kỹ thuật số, cơ/điện tử, mạng truyền thông công nghiệp, phần mềm điều khiển trong nước để đáp ứng được các yêu cầu cho đào tạo, giải trí.	5	
62.	Nghiên cứu, thiết kế thiết bị thông minh giám sát nguồn điện	ThS. Đoàn Hữu Khánh	PGS. TS. Đinh Anh Tuấn ThS. Lê Văn Tâm	Nghiên cứu về thiết bị giám sát nguồn điện thông minh; Qua đó, thiết kế thiết bị thử nghiệm để lấy cơ sở để thiết kế chế tạo thương mại trong tương lai.	5	
63.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống điều khiển động cơ Servo cho hệ điều tốc trên tàu thủy	TS. Vương Đức Phúc	ThS. Đào Quang Khanh	Thiết kế 01 thiết bị điều khiển có khả năng có khả năng kết nối, giao tiếp và lập trình với một số loại Driver Servo, lập trình điều khiển quay theo góc, quay theo số vòng, quay thuận và nghịch, điều khiển ổn định tốc độ quay.	5	
64.	Nghiên cứu ghép nối truyền thông vi điều khiển với biến tần - động cơ	PGS. TS. Đào Minh Quân	ThS. Đào Quang Khanh	Thiết kế 01 thiết bị điều khiển có khả năng kết nối, giao tiếp, quản lý, giám sát biến tần công nghiệp: lập trình điều khiển quay thuận và nghịch, điều khiển đóng ngắt từ xa, giám sát tốc độ động cơ, hiển thị thông tin từ xa của biến tần: tốc độ, dòng điện, điện áp, tần số hoạt động của biến tần.	5	
65.	Mô phỏng hệ thống điều khiển và giám sát hệ thống phun sương hăng FAIN trên tàu dầu ứng dụng phần mềm LABview	ThS. Nguyễn Tất Dũng	TS. Vương Đức Phúc	Nghiên cứu thực tiễn, đáp ứng yêu cầu trong đời sống sản xuất, đặc biệt là các công ty vận tải biển, các nhà máy đóng tàu. Đồng thời, trang bị cho sinh viên, giảng viên những kiến thức mới về báo và chữa cháy tại các tàu lớn. Giải quyết bài toán đang rất bức thiết hiện nay đó là việc tăng cường công tác phòng cháy và chữa cháy để giảm thiểu thiệt hại.	5	

66.	Nghiên cứu thiết kế điều khiển UAV bằng nhận dạng cử chỉ sử dụng trí tuệ nhân tạo	TS. Đỗ Khắc Tiệp	ThS. Tống Lâm Tùng	Thiết kế phần cứng và phần mềm cho hệ thống điều khiển UAV bằng nhận dạng cử chỉ sử dụng trí tuệ nhân tạo.	5	
67.	Nghiên cứu điều khiển hệ thống chân vịt điện tàu thủy dưới sự ảnh hưởng của mô men cản	ThS. Đặng Đình Phúc	ThS. Hứa Xuân Long	Đưa ra mô phỏng trực quan (mô phỏng bằng phần mềm matlab) quá trình thay đổi momen cản tác động vào hệ thống chân vịt điện và từ đó ảnh hưởng tới bộ điều khiển động cơ điện lai chân vịt như thế nào để đưa ra các giải pháp khắc phục phù hợp.	5	
VI. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						
68.	Ứng dụng mạng nơ ron học sâu xây dựng hệ thống phát hiện và thống kê phương giao thông	TS. Nguyễn Hữu Tuấn	ThS. Nguyễn Văn Thủy ThS. Nguyễn Hạnh Phúc	Nghiên cứu của đề tài là nghiên cứu mô hình mạng học sâu để giải quyết bài toán phát hiện và thống kê phương tiện giao thông (xe máy, ô tô, xe đạp) bằng các ngôn ngữ lập trình.	5	
69.	Nghiên cứu áp dụng công nghệ IoT trong việc thiết kế hệ thống điều khiển Robot không dây tầm xa	TS. Nguyễn Trọng Đức	ThS. Phạm Trung Minh ThS. Ngô Quốc Vinh	Nghiên cứu áp dụng công nghệ IoT nhằm thiết kế hệ thống điều khiển không dây tầm xa dựa trên nền tảng mạng internet. Cụ thể mục đích của đề tài hướng tới việc nhúng các thành phần modem 4G GSM vào robot tự hành, đồng thời sử dụng hệ thống đám mây IoT làm nơi trung chuyển, lưu trữ các lệnh điều khiển cũng như dữ liệu trạng thái của Robot. Bằng các giao thức HTTP, trong môi trường làm việc có kết nối internet, việc liên lạc giữa trung tâm điều khiển và các Robot thông qua trạm trung chuyển dữ liệu đám mây IoT, hệ thống điều khiển không dây tầm xa sẽ được đảm bảo sự thông suốt và không bị giới hạn bởi phạm vi địa lý.	5	

70.	Nhận dạng biểu cảm khuôn mặt bằng phương pháp học sâu	TS. Hồ Thị Hương Thơm	ThS. Nguyễn Kim Anh ThS. Võ Văn Thương	Nghiên cứu và cài đặt kỹ thuật nhận dạng biểu cảm khuôn mặt bằng phương pháp học sâu hàng trăm lớp (có thể lựa chọn mô hình học sâu ResNet 101 hoặc ResNet 152 hoặc mô hình học sâu khác tương đương).	5	
71.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài nguyên cây xanh đô thị của thành phố Hải Phòng ứng dụng công nghệ GIS	TS. Trần Thị Hương	TS. Nguyễn Trung Đức ThS. Bùi Đình Vũ	Nghiên cứu tổng quan về công nghệ GIS và áp dụng vào việc thu thập quản lý dữ liệu các nguồn cây xanh đô thị của thành phố Hải Phòng.	5	
72.	Nghiên cứu công nghệ container hóa và giải pháp ứng dụng nền tảng Docker để triển khai phần mềm OpenERP/Odoo trên đa hệ thống	ThS. Phạm Ngọc Duy	KS. Nguyễn Trung Quân	Nghiên cứu về ảo hóa mức hệ điều hành container /container hóa trên nền tảng container Docker và phương pháp ứng dụng Docker trong xây dựng và triển khai phần mềm hoạt động trên đa hệ thống.	5	
73.	Đánh giá ảnh hưởng của liên kết quang không dây lên kết nối TCP	ThS. Vũ Phạm Minh Hiển		Nghiên cứu về mạng quang không dây và xây dựng mô hình đánh giá ảnh hưởng của kết nối FSO lên chất lượng của kết nối TCP đồng thời đánh giá ảnh hưởng các tác nhân thời tiết đến chất lượng tín hiệu	5	
VII.	KHOA CÔNG TRÌNH					
74.	Nghiên cứu tác động của sóng lên công trình gia cố bờ biển bằng mô hình toán	PGS. TS. Đào Văn Tuấn	ThS. Phạm Thị Nga	Ứng dụng ANSYS-FLUENT xác định tác động của sóng lên công trình gia cố bờ: tải trọng và vận tốc phần tử nước để tính toán khả năng chịu lực của công trình trong giai đoạn thiết kế.	5	

75.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp giám sóng hợp lý bằng mô hình số đối với công trình bảo vệ bờ biển tại Việt Nam	TS. Nguyễn Hoàng	PGS. TS Nguyễn Văn Ngọc ThS. Nguyễn Thanh Tùng	Đề tài của nhóm tác giả nghiên cứu tổng quan về thực trạng xói lở bờ biển ở Việt Nam hiện nay, thống kê và đánh giá thực trạng vai trò của các công trình bảo vệ bờ biển đã được áp dụng trong vài năm trở lại đây. Bên cạnh đó, nhóm tác giả còn giới thiệu một số nghiên cứu mới trong phòng chống xói lở bờ biển của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã được công bố. Nhóm tác giả tiến hành áp dụng mô hình số để đánh giá hiệu quả tiêu giảm sóng của các kết cấu, từ đó kết hợp với việc phân tích các yếu tố kinh tế để đưa ra kết luận và kiến nghị.	5	
76.	Nghiên cứu, lựa chọn phương án kết cấu hợp lý cho nhà công nghiệp nhẹ bằng thép có nhịp lớn hơn 40m	ThS. Đỗ Quang Thành	ThS. Vũ Thị Khánh ThS. Nguyễn Thanh Tùng	Phân tích, tính toán các phương án kết cấu khung thép khác nhau cho công trình nhà công nghiệp có nhịp lớn hơn 40m. So sánh, đánh giá hiệu quả kỹ thuật và kinh tế của các phương án đó (gồm cả phương án kết cấu khung và phương án móng tương ứng) để từ đó có những khuyến nghị cần thiết.	5	
77.	Nghiên cứu nội lực và chuyển vị của kết cấu chịu uốn có xét đến biến dạng trượt ngang, chịu tác dụng của tải trọng tĩnh bằng phương pháp Phần tử hữu hạn	PGS. TS. Đoàn Văn Duẩn	PGS. TS. Hà Xuân Chuẩn ThS. Vũ Thị Khánh Chi	Đóng góp thêm một cách tiếp cận trong việc tìm nội lực và chuyển vị của kết cấu dầm khung chịu uốn có xét đến biến dạng trượt ngang, chịu tác dụng của tải trọng tĩnh. So sánh, đánh giá tính hiệu quả của lời giải theo phương pháp PTHH với lời giải bán giải tích, giải tích, để từ đó có những nhận xét, kết luận và khuyến nghị cần thiết.	5	

78.	Nghiên cứu tính toán sức chịu tải của kết cấu rỗng (KCR) theo điều kiện đất nền	ThS. Nguyễn Văn Ninh	PGS. TS. Nguyễn Văn Ngọc ThS. Phạm Ngọc Vương	Xác định sức chịu tải theo điều kiện đất nền, chuyển vị và ứng suất của KCR.	5	
79.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp tiêu giảm sóng “tối ưu” đối với kết cấu rỗng phục vụ xây dựng công trình chống xói lở, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	PGS. TS. Nguyễn Văn Ngọc	TS. Nguyễn Hoàng ThS. Nguyễn Xuân Trường	Xác định khả năng tiêu giảm sóng tốt nhất của KCR sử dụng xây dựng công trình giảm sóng chống xói lở.	5	
80.	Nghiên cứu lựa chọn biện pháp gia cố hợp lý các cọc bê tông bị hư hỏng, thất lạc tại một số tuyến kè trên Sông Hồng	TS. Lê Thị Hương Giang	ThS. Đoàn Thị Hồng Nhung	Áp dụng những biện pháp nhỏ cọc đã có trong thực tế nhằm thay thế các cọc bị hư hỏng hoặc thất lạc tại một số tuyến kè trên Sông Hồng.	5	
81.	Nghiên cứu, lựa chọn chất ức chế gốc Amine để hạn chế ăn mòn cốt thép trong bê tông dùng cát nhiễm mặn làm cốt liệu	TS. Bùi Quốc Bình	ThS. Đoàn Thế Mạnh	Nghiên cứu và lựa chọn để ứng dụng chất ức chế hữu cơ thân thiện với môi trường có khả năng làm tăng sức kháng ăn mòn cốt thép khi sử dụng làm phụ gia với hàm lượng thấp cho bê tông xi măng Portland với cát đã bị nhiễm mặn. Từ kết quả phân tích khả năng làm thay đổi điện áp ăn mòn cốt thép của các chất ức chế thông qua thí nghiệm mẫu thử, đánh giá hiệu quả và kiến nghị sử dụng phù hợp.	5	

82.	Nghiên cứu ứng dụng ABAQUS mô phỏng ứng xử của cọc ống thép hai lớp nhồi bê tông chịu uốn	TS. Vũ Quang Việt	TS. Trần Ngọc An ThS. Phạm Thị Ly	Sử dụng phần mềm ABAQUS phát triển mô hình phần tử hữu hạn mô phỏng ứng xử của cọc thép hai lớp nhồi bê tông có neo chống cắt chịu tải trọng uốn.	5	
83.	Đề xuất hướng dẫn tái sử dụng rác thải nhựa và nghiên cứu thử nghiệm cấp phối bê tông nhựa sử dụng rác thải nhựa ứng dụng cho giao thông đường bộ tại Việt Nam	TS. Phạm Văn Trung	ThS. Vũ Thị Chi	Đề xuất hướng dẫn tái sử dụng rác thải nhựa và nghiên cứu đánh giá thực nghiệm kết cấu bê tông nhựa có sử dụng rác thải nhựa ứng dụng vào đường bộ tại Việt Nam.	5	
84.	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ tới kết cấu bê tông được tăng cường bằng vật liệu composite	TS. Nguyễn Phan Anh	ThS. Lê Văn Cường	Nghiên cứu về cơ chế hoạt động của hệ thống tăng cường kết cấu bê tông bằng FRP theo phương pháp các phương pháp khác nhau. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến bê tông, keo dính bám epoxy và FRP có trong liên kết. Đề xuất ví dụ tính toán nội lực của kết cấu được tăng cường trong môi trường nhiệt độ khác nhau.	5	
85.	Nghiên cứu chuyển vị của dầm cầu dây văng dưới tác dụng của tải trọng di động theo mô hình tháp mềm bằng phương pháp phần tử hữu hạn	TS. Trần Ngọc An	ThS. Phạm Thị Ly	Nghiên cứu chuyển vị của dầm cầu dây văng dưới tác dụng của tải trọng di động theo mô hình tháp mềm bằng phương pháp phần tử hữu hạn.	5	
86.	Ứng dụng mạng Bayes đánh giá và xác định nguyên nhân đâm va của phương tiện thủy trong quá trình hàng hải	TS. Trần Đức Phú	ThS. Nguyễn Trọng Khuê	Nghiên cứu đưa ra một phương pháp tiếp cận dựa trên việc ứng dụng mô hình mạng Bayes vào phân tích các rủi ro do đâm va của phương tiện thủy để từ đó xác định các nguyên nhân và khả năng xảy ra tai nạn đâm va của phương tiện thủy.	5	

87.	Nghiên cứu lập trình mô phỏng số và mô phỏng thực nghiệm để phân tích mối quan hệ độ dạt ngang tàu với góc chuyển hướng luồng và vận tốc gió khi tàu chạy trên luồng	ThS. Nguyễn Xuân Thịnh	ThS. Nguyễn Trọng Khôi	Nghiên cứu lập trình mô phỏng số chuyển động tàu chạy trên luồng, qua đó, tiến hành thực nghiệm một số chuyển động tàu khi chạy trên một đoạn luồng thẳng sau đó bẻ lái chuyển hướng luồng sang đoạn tiếp theo. Nội dung nghiên cứu đưa ra những phân tích về mối quan hệ giữa độ dạt ngang với góc chuyển hướng luồng và vận tốc gió khi tàu chuyển động trên luồng.	5	
88.	Nghiên cứu lập trình mô phỏng và phân tích mối quan hệ giữa vận tốc với độ dạt ngang của tàu khi tiếp cận các khu nước của cảng có đê chắn sóng	TS. Trần Khánh Toàn	ThS. Nguyễn Thị Hồng	Nghiên cứu lập trình mô phỏng chuyển động của tàu dưới tác dụng của các thành phần lực và mô men của các yếu tố môi trường như gió và dòng chảy, là các nguyên nhân chính gây ra độ dạt ngang của tàu.	5	
89.	Nghiên cứu, lập trình mô phỏng chuyển động lắc ngang dưới tác dụng của ngoại lực phục vụ đánh giá an toàn hàng hải đối với tàu container	ThS. Nguyễn Quang Huy	TS. Trần Khánh Toàn	Nghiên cứu, lập trình mô phỏng chuyển động lắc ngang của tàu container trong mô hình chuyển động 4 bậc tự do, trong đó tập trung nghiên cứu, mô phỏng thành phần chuyển động lắc ngang (roll) dưới tác dụng của ngoại lực cùng các thành phần chuyển động tàu theo thời gian thực.	5	
90.	Nghiên cứu giải pháp quy hoạch phát triển làng sản xuất mây tre đan Tiên Sa, xã Hồng Thái, huyện An Dương, Hải Phòng	ThS. Nguyễn Gia Khánh	ThS. Nguyễn Thiện Thành	Nghiên cứu, phân tích những số liệu thực tế, những thông tin về hoạt động của làng nghề mây tre đan Tiên Sa trong những năm gần đây để rút ra những thuận lợi cũng như những khó khăn, tồn tại.	5	

91.	Giải pháp gia tăng diện tích cây xanh để làm tăng giá trị cảnh quan trong các ngôi trường trung học tại nội thành Hải Phòng	ThS.KTS. Nguyễn Văn Minh	ThS. Lê Văn Cường	Đưa ra giải pháp tăng diện tích cây xanh cảnh quan trong trường trung học để tăng tiện nghi học tập và vui chơi cho học sinh.	5	
VIII.	KHOA KINH TẾ					
92.	Tác động của miền hậu phương đến hoạt động kinh doanh khai thác cảng - trường hợp của Việt Nam	TS. Bùi Thị Thanh Nga		Đề tài sẽ phân tích các yếu tố: môi trường chính trị xã hội, môi trường pháp lý và hành chính, môi trường kinh tế, môi trường cơ sở hạ tầng, môi trường lao động và môi trường quốc tế của môi trường đầu tư của Việt Nam trong tương quan với một số quốc gia khác cùng khu vực, từ đó đề xuất một số giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam.	5	
93.	Đánh giá thực trạng sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động xuất nhập khẩu bằng đường biển qua khu vực cảng Hải Phòng	ThS. Đoàn Trọng Hiếu	ThS. Đoàn Thị Thu Hằng	Đề tài thực hiện nhằm làm rõ thực trạng sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động xuất nhập khẩu, chỉ ra những thành tựu cũng như tồn tại hạn chế để khẳng định tác dụng của các chứng từ điện tử và các chứng từ điện tử những chứng từ này.	5	
94.	Giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác cho đội tàu hàng khô nông cốt của Việt Nam giai đoạn 2020-2025	ThS. Hồ Thị Thu Lan	TS. Nguyễn Hữu Hùng	Thu thập và xử lý các số liệu liên quan đến hiệu quả khai thác của đội tàu hàng khô nông cốt của Việt nam. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác của đội tàu hàng khô nông cốt của Việt Nam giai đoạn 2020-2025.	5	

95.	Phân tích đánh giá chỉ số Năng lực Logistics Quốc gia (LPI) năm 2018 của Việt Nam và các giải pháp để cải thiện chỉ số LPI Việt Nam giai đoạn 2020-2025	TS. Nguyễn Minh Đức	ThS. Nguyễn Thị Nha Trang	Nghiên cứu hệ thống hóa cơ sở lý luận về chỉ số LPI và hệ thống Logistics quốc gia; Thứ hai, nghiên cứu đánh giá về mặt định lượng mức độ tin cậy của chỉ số này đối với trường hợp hệ thống Logistics Việt Nam; Thứ ba, nghiên cứu đánh giá thực trạng hệ thống Logistics Việt Nam qua nhiều mặt như cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp dịch vụ logistics, nguồn nhân lực, cơ chế chính sách, quản lý công,... Thứ tư, nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải thiện chỉ số LPI Việt Nam hướng đến giai đoạn 2020-2025.	5	
96.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế trường Đại học Hàng hải Việt Nam	ThS. Nguyễn Quỳnh Trang		Nghiên cứu thực trạng của hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; Đề xuất mô hình nghiên cứu để tìm ra các nhân tố có tác động đến ý định khởi nghiệp của nhóm sinh viên này; Từ đó đề xuất những hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy ý định khởi nghiệp trong sinh viên khối ngành Kinh tế - nhóm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sinh viên theo ngành của trường Đại học Hàng hải Việt Nam.	5	

97.	Nghiên cứu phương pháp xây dựng và phát triển kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên khối ngành Kinh tế tại trường ĐH Hàng Hải Việt Nam	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung	ThS. Phạm Minh Thúy	Cung cấp phương pháp Khởi nghiệp phương pháp Khởi nghiệp tinh gọn phù hợp với sinh viên và đề xuất phương pháp đào tạo kỹ năng hiệu quả bằng mô hình chuẩn để sinh viên khối ngành Kinh tế trường ĐHHH xây dựng và phát triển được kỹ năng Khởi nghiệp.	5	
98.	Nghiên cứu môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong tương quan so sánh với một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương		Đề tài sẽ phân tích các yếu tố: môi trường chính trị xã hội, môi trường pháp lý và hành chính, môi trường kinh tế, môi trường cơ sở hạ tầng, môi trường lao động và môi trường quốc tế của môi trường đầu tư của Việt Nam trong tương quan với một số quốc gia khác cùng khu vực, từ đó đề xuất một số giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam.	5	
99.	Ứng dụng phương pháp phân tích định lượng theo mô hình hồi quy tuyến tính để xác định các yếu tố ảnh hưởng tới chỉ số BDI - chỉ số thuê tàu hàng khô	ThS. Phạm Thị Mai Phương	TS. Phạm Thị Yến	Đề tài sẽ phân tích các yếu tố: môi trường chính trị xã hội, môi trường pháp lý và hành chính, môi trường kinh tế, môi trường cơ sở hạ tầng, môi trường lao động và môi trường quốc tế của môi trường đầu tư của Việt Nam trong tương quan với một số quốc gia khác cùng khu vực, từ đó đề xuất một số giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam.	5	

100.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hiệu quả trong nhập khẩu và vận chuyển than nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung ứng than cho các nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2020-2030.	TS. Phạm Việt Hùng	ThS. Hồ Thị Thu Lan	Nhóm tác giả nghiên cứu về nhập khẩu và vận chuyển than nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung ứng than cho các nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2020-2030.	5	
101.	Nghiên cứu áp dụng lệnh giao hàng điện tử e-D/O (electronic delivery order) trong hoạt động logistics của các công ty logistics tại Hải Phòng	ThS. Trần Hải Việt	ThS. Phạm Thị Phương Mai	Đề tài nghiên cứu tính khả thi để áp dụng chứng từ điện tử này tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực logistics và hãng tàu tại Hải Phòng.	5	
102.	Ứng dụng phương pháp phân tích định lượng theo mô hình véc-tơ tự hồi quy (VAR) để kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế Việt Nam	ThS. Trần Ngọc Hưng	CN. Nguyễn Thị Thu Huyền	Tác giả tiến hành sử dụng mô hình định lượng VAR nhằm làm rõ về mối quan hệ giữa 2 biến số trên đối với riêng Việt Nam trên cơ sở nguồn số liệu thực nghiệm thu thập trong thời gian qua.	5	
103.	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ giao hàng đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng trong thương mại điện tử bán lẻ	ThS. Vũ Lê Huy	ThS. Nguyễn Thị Nha Trang	Xây dựng mô hình đánh giá chất lượng dịch vụ giao hàng trong thương mại điện tử bán lẻ; Kiểm định mô hình và đánh giá mức độ ảnh hưởng; Đưa ra đề xuất cải thiện chất lượng dịch vụ giao hàng trong thương mại điện tử bán lẻ.	5	

104.	Nghiên cứu lựa chọn chỉ tiêu phù hợp để đánh giá sự phát triển bền vững của cảng biển Hải Phòng bằng phương pháp Delphi	ThS. Vũ Thanh Trung	ThS. Trương Thị Như Hà	Nhóm thực hiện đề tài tiến hành tham vấn ý kiến các chuyên gia về cảng biển ở Hải Phòng về các chỉ tiêu bền vững đã thu thập ở ba tiêu chí: mức độ quan trọng của chỉ tiêu, mức độ phù hợp với tình hình ở cảng biển Hải Phòng và mức độ thuận lợi trong việc thu thập những số liệu đó. Qua đó, áp dụng phương pháp Delphi để lựa chọn ra những tiêu chí phù hợp nhất để đánh giá sự bền vững của cảng biển.	5	
IX. KHOA QUẢN TRỊ - TÀI CHÍNH						
105.	Đề xuất mô hình nghiên cứu nâng cao năng lực tài chính của các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán Việt Nam	ThS. Hoàng Thị Phương Lan	ThS. Lê Trang Nhung	Mục tiêu của đề tài là tìm ra được một mô hình nghiên cứu nâng cao năng lực tài chính cho các doanh nghiệp cảng biển. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực tài chính các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán Việt Nam qua kết quả của mô hình.	5	
106.	Phân tích tác động của Hiệp định Basel II tới hoạt động ngân hàng Việt Nam	TS. Lê Thanh Phương		Xác định/lượng hóa tác động của Basel II tới hoạt động ngân hàng Việt Nam từ đó đưa ra một số khuyến nghị về chính sách liên quan.	5	
107.	Các biện pháp nâng cao hiệu quả bảo hiểm tiền gửi ngân hàng	ThS. Lê Chiến Thắng	ThS. Nguyễn Minh Trang ThS. Nguyễn Thị Hà	Đề tài hệ thống hóa các vấn đề lý luận về bảo hiểm tiền gửi, nâng cao niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng Việt Nam.	5	

108.	Quản lý thuế thu nhập cá nhân và tính tuân thủ của người nộp thuế trên địa bàn Thành phố Hải Phòng	ThS. Tô Văn Tuấn		<p>Đề tài hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thuế TNCN và tính tuân thủ của người nộp thuế. Phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Phân tích tính tuân thủ chấp hành pháp luật thuế TNCN của các tổ chức chi trả thu nhập, các cá nhân người nộp thuế trên địa bàn. Trên cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý thuế TNCN thông qua việc nâng cao tính tuân thủ chấp hành luật thuế TNCN của các tổ chức chi trả thu nhập, các cá nhân người nộp thuế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</p>	5	
109.	Đề xuất mô hình vận tải Logistic kết nối đường bộ với đường thủy nội địa từ cảng Hải Phòng với các khu vực đồng bằng Bắc Bộ	PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm	ThS. Nguyễn Minh Trang	<p>Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về mô hình vận tải liên phương thức kết nối trong vận tải hàng hóa. Phân tích thực trạng vận tải kết nối đường bộ tới đường thủy nội địa từ cảng Hải Phòng đến các khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Qua đó, đề xuất mô hình vận tải Logistic kết nối đường bộ tới đường thủy nội địa từ cảng Hải Phòng đến các khu vực đồng bằng Bắc Bộ.</p>	5	
110.	Phân tích và hoàn thiện chiến lược kinh doanh của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship đến năm 2025	TS. Mai Khắc Thành		<p>Nghiên cứu, phân tích chiến lược kinh doanh hiện tại của công ty cổ phần vận tải biển Vinaship. Từ đó đề xuất các biện pháp hoàn thiện chiến lược cho Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship giúp các nhà quản lý công ty có cơ sở khoa học trong việc hoạch định, triển khai, kiểm soát chiến lược và có thể tham khảo các biện pháp nhằm hoàn thiện chiến lược kinh doanh trong thời gian tới.</p>	5	

111.	Ứng dụng lý thuyết Phong cách lãnh đạo toàn diện để nghiên cứu tác động của phong cách lãnh đạo đến sự thỏa mãn công việc của người lao động ngành bán lẻ Việt Nam	ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc		Hệ thống hóa lý thuyết phong cách lãnh đạo toàn diện (The Full range leadership model), và lý thuyết về sự thỏa mãn công việc, nghiên cứu thực trạng về phong cách lãnh đạo, sự thỏa mãn công việc của người lao động trong ngành bán lẻ tại Việt Nam. Qua đó, ứng dụng lý thuyết phong cách lãnh đạo toàn diện để nghiên cứu mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo và sự thỏa mãn công việc của người lao động và đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao sự thỏa mãn công việc của người lao động ngành bán lẻ Việt Nam.	5	
112.	Dùng mô hình dữ liệu bảng động (dynamic panel model) để đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN và G7 giai đoạn 2001 - 2017	TS. Hoàng Chí Cương		Xác định/lượng hóa tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN và G7 bằng mô hình dữ liệu bảng động (dynamic panel model) giai đoạn 2001-2017/ Qua đó, đưa ra một số khuyến nghị về chính sách liên quan đến việc thu hút FDI trong tương lai.	5	
113.	Nghiên cứu thực chứng mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	TS. Đào Văn thi	TS. Phùng Mạnh Trung	Sử dụng các phương pháp thích hợp để xác định các chỉ tiêu nghiên cứu như trách nhiệm xã hội, hiệu quả tài chính và chính sách kinh tế không ổn định. Sử dụng các mô hình nghiên cứu phù hợp để tìm ra mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tới hiệu quả tài chính dưới tác động của chính sách kinh tế không ổn định.	5	

X.	KHOA CƠ SỞ CƠ BẢN					
114.	Tính ổn định của phương trình vi phân hàm chứa xung và ứng dụng	ThS. Lê Đào Hải An	ThS. Nguyễn Thị Hằng	Giới thiệu lý thuyết ổn định của phương trình vi phân hàm chứa xung và áp dụng vào mạng noron. Nghiên cứu tính ổn định của một số mô hình mạng noron phi tuyến với trễ và xung biến thiên.	5	
115.	Nghiên cứu mô hình vận tải có trung chuyển và áp dụng trong thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam	ThS. Vũ Tuấn Anh		Đề tài giới thiệu nội dung, ý nghĩa của mô hình vận tải có trung chuyển, nêu mô hình toán học, điều kiện tồn tại nghiệm của mô hình, cách xây dựng bài toán vận tải tương đương để tìm lời giải tối ưu cho mô hình và cuối cùng trình bày một số ví dụ minh họa áp dụng trong thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam.	5	
116.	Ứng dụng mô hình hệ số biến đổi ngẫu nhiên trong phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam	ThS. Nguyễn Văn	ThS. Vũ Thị Vân	Áp dụng mô hình hệ số biến đổi ngẫu nhiên (Stochastic Varying Coefficient Frontier Approach) trong đo lường hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp ngành sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam và áp dụng mô hình hồi quy Tobit trong phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp ngành sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.	5	
117.	Một số ứng dụng của định lý Hahn-Banach và định lý Helly trong giải tích lồi	TS. Hoàng Văn Hùng	ThS. Hoàng Kim Chi	Tìm tòi các áp dụng mới của định lý Hahn-Banach và định lý Helly trong các lĩnh vực khác nhau của toán học, nói riêng trong giải tích lồi.	5	

118.	Nghiên cứu chế tạo và các đặc trưng của vật liệu $K_xNa_{1-x}NbO_3$ bằng phương pháp Sol-Gel	ThS. Đỗ Lệ Quyên	ThS. Nguyễn Thế Hưng	Tập trung nghiên cứu các vật liệu sắt điện không chì $K_xNa_{1-x}NbO_3$ (KNN), với $x = 0,3; 0,5; 0,6$ được chế tạo bằng phương pháp sol-gel. Cấu trúc tinh thể được phân tích qua phổ nhiễu xạ tia X và phổ tán xạ Raman. Các đặc trưng sắt điện của vật liệu được khảo sát thông qua phép đo hằng số điện môi và chu trình điện trễ. Từ đó mở ra các hướng nghiên cứu mới nhằm chế tạo và phát triển các vật liệu sắt điện không chì hứa hẹn được ứng dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp điện tử hiện đại.	5
119.	Nghiên cứu ảnh hưởng của gió, động đất tới dao động của tòa nhà cao tầng	ThS. Nguyễn Hữu Dĩnh	ThS. Vũ Quyết Thắng ThS. Lê Thị Mai	Nghiên cứu các bài toán như sau: Bài toán dao động tự do của tòa nhà, Bài toán dao động của tòa nhà khi có lực gió tác động vào. Bài toán dao động của tòa nhà khi có động đất làm móng rung động. Mục đích nghiên cứu của đề tài này là từ kết quả nghiên cứu đó chúng ta có thể khắc phục những rủi ro khi có tác động của gió và động đất gây ra. Và đó cũng là cơ sở lý thuyết, ý tưởng để các nhà khoa học, các em sinh viên và các học viên cao học chuyên ngành kỹ thuật nghiên cứu tiếp theo.	5
120.	Nghiên cứu nâng cao khả năng chịu mài mòn của hợp kim Cu-Al bằng hợp kim hóa và xử lý nhiệt áp dụng cho lĩnh vực hàng hải	ThS. Vũ Anh Tuấn	ThS. Nguyễn Hải Yến	Với cấu trúc pha sau hóa già như trên đã cải thiện cơ tính của hợp kim sau khi xử lý nhiệt. Giá trị độ cứng trung bình sau hóa già với chế độ trên của hợp kim là 99,5HRB. Khả năng chống mài mòn khô của hợp kim được cải thiện; giá trị độ hạt khối đạt tối ưu là 0,1239g.	5

121.	Ứng dụng chương trình Abaqus để phân tích dầm bê tông cốt thép chịu uốn	ThS. Đào Văn Lập	CN. Nguyễn Văn Thừa	Tìm hiểu, ứng dụng phần mềm tin học trong tính toán kết cấu, sức bền vật liệu; Đề xuất một phương pháp để góp phần tăng độ chính xác khi tính toán thiết kế khả năng chịu lực cho dầm bê tông cốt thép chịu uốn. Qua đó, dự đoán diễn biến sự truyền lực cơ học trong nội bộ dầm và cơ chế phá hủy của dầm.	5	
XI. KHOA NGOẠI NGỮ						
122.	Đề xuất phương pháp xử lý hiện tượng nghịch ngôn trong tiếng Anh và tiếng Việt cho sinh viên học phần Biên dịch tại Đại học Hàng hải Việt Nam (Solution to oxymoron in English and Vietnamese for those major in Translation at Vietnam Maritime University)	TS. Phạm Văn Đôn		Nghịch ngôn là hiện tượng có trong mọi ngôn ngữ. Đây là vấn đề tu từ tạo nghĩa và là thách thức với bất cứ ai làm công tác biên - phiên dịch; G70 Nghiên cứu so sánh đối chiếu cách thức tạo dựng từ nghịch ngôn giữa tiếng Anh và tiếng Việt, cách tạo nghĩa khi kết hợp các thành phần căn tố, chính tố chỉ ra sự khác biệt về cấu trúc và ý nghĩa từ nghịch ngôn, qua đó đề xuất giải pháp xử lý từ cho sinh viên học phần biên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.	5	
123.	Binominals and Multinominals in the Hague - Visby Rules (Ngữ lưỡng kết và ngữ đa kết trong Quy tắc Hague - Visby)	TS. Hoàng Thị Thu Hà		Nghiên cứu khoa học “Binominals and Multinominals in the Hague - Visby Rules” có mục đích tìm hiểu về các ngữ lưỡng kết và ngữ đa kết trong Quy tắc Hague - Visby, một phần cốt yếu làm nên nét đặc trưng ngôn ngữ của Quy tắc này.	5	
XII. KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ						
124.	Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế biển ở Việt Nam	TS. Quách Thị Hà	ThS. Phan Văn Chiêm ThS. Ngô Văn Thảo	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế biển ở Việt Nam trong những năm gần đây.	5	

125.	Nghiên cứu chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc thời kỳ đổi mới	ThS. Phạm Thị Xuân	ThS. Phạm Thị Thu	Khái quát chủ trương của Đảng về việc xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trước thời kỳ đổi mới và làm rõ được tầm quan trọng của việc đề ra, xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ đổi mới nhằm phục vụ công tác giảng dạy học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho đảng viên mới.	5	
126.	Đổi mới quản lý cảng biển Việt Nam trong “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045” của Đảng Cộng sản Việt Nam	ThS. Trần Hoàng Hải	ThS. Nguyễn Thúy Dương	Khái quát chủ trương của Đảng về việc hoạch định “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”; Nghiên cứu thực trạng quản lý cảng biển Việt Nam hiện nay; Kinh nghiệm quốc tế về quản lý cảng biển cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; Phương hướng và giải pháp đổi mới quản lý cảng biển trong giai đoạn từ nay đến 2030 tầm nhìn 2045.	5	
127.	Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hàng hải ở thành phố Hải Phòng	TS. Nguyễn Thị Thanh	ThS. Mai Thị Mến	Đánh giá thành tựu và hạn chế phát triển kinh tế hàng hải ở thành phố Hải Phòng; Xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết cho quá trình phát triển kinh tế hàng hải ở thành phố Hải Phòng giai đoạn sau.	5	
128.	Nghiên cứu vấn đề phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	ThS. Hoàng Bích Thủy	TS. Nguyễn Thị kim Hồng	Trên cơ sở nghiên cứu về phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt nam trong giai đoạn hiện nay đề tài đưa ra phương hướng và giải pháp phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt nam hiện nay.	5	

129.	Thực trạng và vấn đề đặt ra từ quá trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp đóng tàu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay	TS. Phan Duy Hòa	ThS. Mạc Văn Nam ThS. Nguyễn Văn Nhật	Đề tài góp phần phân tích, làm rõ hơn hiện trạng phát triển của nguồn nhân lực và chỉ ra những vấn đề đặt ra từ quá trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp đóng tàu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.	5	
XIII. VIỆN MÔI TRƯỜNG						
130.	Nghiên cứu phản ứng oxi hóa ancol benzylic trên hệ xúc tác niken oxit mang trên khoáng sét sepiolite	TS. Nguyễn Thị Như	ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân	Tổng hợp các xúc tác niken oxit mang trên sepiolite với những hàm lượng niken khác nhau. Nghiên cứu các đặc trưng xúc tác của hệ xúc tác. Nghiên cứu tính chất xúc tác của hệ xúc tác thu được trong phản ứng oxi hóa ancol benzylic.	5	
131.	Nghiên cứu khả năng xử lý amoni và sunfua trong nước thải sinh hoạt bằng vật liệu nano oxit sắt và oxit mangan	TS. Phạm Thị Dương	ThS. Bùi Đình Hoàn ThS. Đinh Thị Thuý Hằng	Nghiên cứu khả năng xử lý amoni và sunfua trong nước thải sinh hoạt bằng vật liệu nano oxit sắt và oxit mangan, từ đó đánh giá khả năng ứng dụng vào thực tế tại các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhằm đảm bảo nước sau xử lý thỏa mãn giới hạn cho phép theo các Quy chuẩn hiện hành.	5	
132.	Nghiên cứu giải pháp quản lý hoạt động bốc xếp và lưu giữ hàng nguy hiểm là hóa chất độc hại cho khu vực cảng biển Hải Phòng	ThS. Trần Anh Tuấn	ThS. Nguyễn Thị Như Ngọc ThS. Bùi Thị Thanh Loan	Đề xuất các giải pháp quản lý về cơ chế, chính sách và quy định kiểm soát hành chính, kỹ thuật hoạt động bốc xếp và lưu giữ hàng nguy hiểm là hóa chất độc hại tại khu vực cảng biển. Xây dựng các biện pháp kỹ thuật và quy trình kiểm soát hàng nguy hiểm tại cảng biển nhằm ngăn ngừa sự cố và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong quá trình bốc xếp và lưu giữ hàng nguy hiểm.	5	

133.	Nghiên cứu khả năng áp dụng chính sách trách nhiệm mở rộng của các nhà sản xuất trong quản lý chất thải nguy hại tại Việt Nam	ThS. Nguyễn Thị Thu	ThS. Trần Anh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Như Ngọc	Đánh giá tính khả thi của việc áp dụng mô hình PRO tại Việt Nam nhằm xây dựng đồng các nhà sản xuất có trách nhiệm với việc tái chế rác thải, góp phần bảo vệ môi trường.	5	
134.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải thiện chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi An Kim Hải	ThS. Nguyễn Hoàng Yên	ThS. Nguyễn Thị Tâm	Đề xuất được các giải pháp cải thiện chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi An Kim Hải trên cơ sở khoa học và thực tiễn, góp phần vào sự phát triển bền vững của địa phương.	5	
135.	Sử dụng chỉ số tải ô nhiễm (PLI) và chỉ số tích lũy địa lý (I-Geo) để đánh giá ô nhiễm kim loại nặng trong trầm tích của sông Lạch Tray	TS. Trương Văn Tuấn	ThS. Nguyễn Hoàng Yên	Kết quả của nghiên cứu không chỉ đánh giá mức độ ô nhiễm trong trầm tích từ sông Lạch Tray mà còn chỉ ra được mức độ rủi ro trong tương lai từ các hoạt động của con người.	5	
136.	Nghiên cứu tối ưu hóa và đề xuất quy trình công nghệ chiết xuất Ecdysteroid từ cây Lược vàng	ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TS. Vũ Minh Trọng	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tìm được điều kiện tối ưu trong quá trình xuất ecdysteroid từ cây Lược vàng và đưa ra quy trình công nghệ chiết ecdysteroid.	5	
137.	Nghiên cứu phản ứng chuyển hóa fructose thành 5-hydroxymethylfurfural trên xúc tác Zirconi oxit	ThS. Phạm Thị Hoa	ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân	Nghiên cứu tìm ra điều kiện tối ưu cho phản ứng tách nước từ fructose thành 5-hydroxymethylfurfural trên xúc tác zirconi oxit khi thay đổi các điều kiện nhiệt độ, áp suất và dung môi.	5	

XIV. VIỆN NCKH&CN HÀNG HẢI						
138.	Nghiên cứu giám sát mắt cân bằng động rô to tàu thủy bằng phần mềm mô phỏng cân bằng động rô to đặt trên máy cân bằng động	PGS. TSKH. Đỗ Đức Lưu			Tổng hợp cơ sở lý thuyết về mắt cân bằng, giám sát mắt cân bằng, cân bằng động rô to; Triển khai nghiên cứu đánh giá mắt cân bằng từ bài toán ngược: đo dao động trên máy cân bằng động theo thuật toán của phần mềm mô phỏng cân bằng động đã được tác giả xây dựng. Qua đó, xây dựng mô hình toán đánh giá lượng mắt cân bằng dư cho rô to được nghiên cứu.	5
XV. VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ						
139.	Ảnh hưởng của giao thoa văn hóa đến kết quả học tập của sinh viên chương trình tiên tiến trong quá trình học tập cùng giảng viên nước ngoài: cơ hội và thách thức	ThS. Hoàng Diệu Hương			Đánh giá sự ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến kết quả học tập của sinh viên khi học với giảng viên nước ngoài. Đề xuất các phương án quản lý giúp giảm tác động của rào cản văn hóa và tăng tính hội nhập cho sinh viên chương trình tiên tiến.	5
XVI. VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC						
140.	Xây dựng công nghệ chế tạo và lắp đặt hệ thống đường ống tàu thủy theo hướng không đo trước kích thước tại hiện trường	TS. Đỗ Tất Mạnh			Nghiên cứu, xây dựng công nghệ chế tạo và lắp đặt các hệ thống đường ống tàu thủy theo hướng không đo trước kích thước tại hiện trường, từ đó giúp rút ngắn thời gian thi công, nâng cao hiệu suất lao động.	5

XVII. VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ						
141.	Nghiên cứu, phân tích xác định nguy cơ đâm va và điều động tránh va an toàn bằng lý thuyết miền tàu chạy	TS. Trịnh Xuân Tùng	ThS. Bùi Xuân Thọ ThS. Vũ Kim Trang	Nghiên cứu tổng quan các đặc tính điều động tàu và các tiêu chuẩn của IMO đối với đặc tính điều động tàu; phân tích cơ sở lý thuyết “miền tàu chạy” phục vụ công tác điều động tàu an toàn; Hệ thống những ưu, nhược điểm của phương pháp để đưa ra được những giải pháp, hạn chế rủi ro, tăng hệ số an toàn cho tàu và thuyền viên; Qua đó, tìm hiểu, phân tích, xác định các yếu tố tồn tại nguy cơ đâm va để điều động tránh va an toàn trong một số trường hợp hàng hải trên biển bằng phương pháp “miền tàu chạy”.	5	
XVII. CAO ĐẲNG VMU						
142.	Nghiên cứu phần mềm ứng dụng module HD- W60-75 cài đặt hiệu ứng Led matrix P10 điều khiển từ xa dùng điện thoại	ThS. Đỗ Thu Huyền	ThS. Lê Thị Bích Thảo	Nghiên cứu cách quản lý cụm màn hình/đa chương trình/đa vùng hiển thị/ đa ngôn ngữ; Nghiên cứu khai thác phần mềm Ledart trên điện thoại cho IOS và Android (Hỗ trợ cho card có kết nối wifi).	5	
143.	Nghiên cứu sử dụng mạng xã hội học tập Edmodo để đổi mới dạy và học Tin học văn phòng tại trường Cao đẳng VMU	ThS. Phạm Thị Hồng Nhung	KS. Đoàn Thị Hồi	Từ những ưu điểm của mạng xã hội học tập Edmodo, tác giả nghiên cứu và đưa vào ứng dụng trong việc dạy và học Tin học văn phòng cho K60 CĐ tại trường Cao đẳng VMU, từ đó có thể làm nền tảng để ứng dụng dạy và học các học phần khác góp phần tạo nên chất lượng đào tạo của Nhà trường.	5	

144.	Nghiên cứu đánh giá sự mệt mỏi của thuyền viên và đề xuất các biện pháp phòng tránh mệt mỏi cho thuyền viên Việt Nam khi làm việc trên tàu biển	ThS. Từ Mạnh Chiến	CN. Lê Đình Chung	Trên cơ sở nghiên cứu các hướng dẫn của IMO về sự mệt mỏi của thuyền viên, các quy định của IMO và Việt Nam về giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi, điều kiện sống, sinh hoạt và điều kiện làm việc trên tàu biển của thuyền viên, cùng với việc tìm hiểu thực trạng công việc của thuyền viên trên một số tàu biển Việt Nam, tác giả sẽ phân tích, đánh giá sự mệt mỏi của thuyền viên và đề xuất các biện pháp phòng tránh mệt mỏi cho thuyền viên Việt Nam khi làm việc trên tàu biển.	5	
145.	Nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội ở Trường cao đẳng VMU	ThS. Nguyễn Văn Hạnh	KS. Lê Thế Phương	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn trong hoạt động đào tạo tại trường, đề xuất một số biện pháp tăng cường quản lý đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội ở trường Cao đẳng VMU trong giai đoạn hiện nay.	5	
146.	Nghiên cứu giả lập tín hiệu GPS trên tàu chạy biển cho hải đồ điện tử trong phòng thực hành của khoa Hàng hải phục vụ giảng dạy cho sinh viên	PGS. TS. Nguyễn Công Vịnh	ThS. Lê Xuân Việt (GV Khoa Hàng hải)	Tìm hiểu tín hiệu đầu vào và cách kết nối của hải đồ điện tử; Qua đó, xây dựng phần mềm tạo tín hiệu giả lập tín hiệu GPS và phần mềm mô phỏng điều khiển và mô phỏng chuyển động của tàu trên biển; Kết nối tín hiệu giả lập với hải đồ điện tử.	5	

Danh sách có 146 đề tài./

Người lập